

# GIẢI VÔ ĐỊCH CỜ TƯỚNG XUẤT SẮC QUỐC GIA NĂM 2026 Cờ chớp nam TT

последно ажурирање 22.09.2026 11:42:26

## Стартна ранг листа

| Бр. | Име                | ФидеИД   | ФЕД. | РтгИ | Бдлд | Клуб/Град       |
|-----|--------------------|----------|------|------|------|-----------------|
| 1   | Ngô, Xuân Gia Huy  | 24060308 | DON  | 2008 |      | Đồng Nai        |
| 2   | Văn, Diệp Bảo Duy  | 24060087 | HCM  | 1999 |      | Tp. Hồ Chí Minh |
| 3   | Đinh, Xuân Đại     | 24090007 | TNG  | 1873 | NỖ   | Thái Nguyên     |
| 4   | Vũ, Văn Chiến      | 24070075 | TNG  | 1846 |      | Thái Nguyên     |
| 5   | Nguyễn, Minh Diệp  | 24090077 | DON  | 1833 |      | Đồng Nai        |
| 6   | Nguyễn, Anh Quỳnh  | 23100162 | HNO  | 1832 |      | Hà Nội          |
| 7   | Phạm, Quốc Việt    | 25100524 | HCM  | 1830 |      | Tp. Hồ Chí Minh |
| 8   | Hoàng, Thái Cường  | 24120011 | TNG  | 1829 | NỖ   | Thái Nguyên     |
| 9   | Nguyễn, Ngọc Quân  | 23100112 | BNI  | 1824 |      | Bắc Ninh        |
| 10  | Nguyễn, Nam Khánh  | 24060309 | DON  | 1819 |      | Đồng Nai        |
| 11  | Đỗ, Văn Hồng       | 24110003 | BNI  | 1801 | Wien | Bắc Ninh        |
| 12  | Trần, Văn Huy      | 25100090 | TNG  | 1801 | NỖ   | Thái Nguyên     |
| 13  | Đinh, Hữu Pháp     | 24040025 | HCM  | 1800 | Bgld | Tp. Hồ Chí Minh |
| 14  | Lâm, Bình Vinh     | 25100226 | TNG  | 1800 | NỖ   | Thái Nguyên     |
| 15  | Lê, Anh Thắng      | 23100059 | HNO  | 1800 |      | Hà Nội          |
| 16  | Nguyễn, Phương Nam | 24070166 | HNO  | 1800 |      | Hà Nội          |
| 17  | Phan, Hùng Chí     | 25100032 | HCM  | 1800 |      | Tp. Hồ Chí Minh |
| 18  | Trần, Mai Linh     | 24070049 | HNO  | 1800 |      | Hà Nội          |
| 19  | Phạm, Văn Nghĩa    | 25100537 | TNG  | 1796 |      | Thái Nguyên     |
| 20  | Bùi, Ngọc Gia Bảo  | 24060237 | BNI  | 1776 | Wien | Bắc Ninh        |
| 21  | Nguyễn, Đình Khánh | 24060236 | BNI  | 1712 |      | Bắc Ninh        |
| 22  | Nguyễn, Đức Hiếu   | 24060238 | BNI  | 1503 |      | Bắc Ninh        |
| 23  | Ninh, Anh Phi      | 24060253 | BNI  | 1429 |      | Bắc Ninh        |
| 24  | Nguyễn, Đăng Khoa  | 24060275 | QNI  | 1295 |      | Quảng Ninh      |

Ќе ги пронајдеш сите податоци за овој турнир под <https://chess-results.com/tnr1502371.aspx?lan=21>

Сервер на Chess-Tournament-Results: Chess-Results